

Bản án số: 74/2025/HS-PT

Ngày: 20/01/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Tiến;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Vũ Đông;

Ông Đặng Đình Lực.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Xuân Thành, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Tuấn Anh, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 20 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 1242/2024/TLPT-HS ngày 29 tháng 10 năm 2024 do có kháng cáo của các bị cáo Phạm Văn S và Nguyễn Hải A, đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 178/2024/HS-ST ngày 20/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

* Các bị cáo có kháng cáo:

1. Phạm Văn S, sinh năm 1983, giới tính: Nam; ĐKNKTT: Khu dân cư B, thị trấn V, huyện V, thành phố Hải Phòng; tên gọi khác: Không; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Phạm Văn D và bà Lâm Thị H; gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai; có vợ là Phạm Mai A và có 03 con, con lớn sinh 2015, con nhỏ sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 23/01/2008, bị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” (đã xóa án tích). Ngày 23/5/2018, bị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng xử phạt 24 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc” (đã xóa án tích);

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/02/2024 đến ngày 09/5/2024 bị cáo được hủy bỏ biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại; vắng mặt.

2. Nguyễn Hải A, sinh năm 1983; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; tỉnh Long An; nơi thường trú: Ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An; chỗ ở: Ấp B, xã H, huyện

Đ, tỉnh Long An; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Công nhân; là Đảng viên Đ (đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng ngày 07/3/2024); con ông Nguyễn Văn N và bà Phạm Thị G; có vợ là Võ Thị Thanh Ngọc T, sinh năm 1990 và có 02 con, con lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/3/2024, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T; có mặt.

* Trong vụ án còn có các bị cáo: Huỳnh Văn Q, Nguyễn Trần D1 và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không kháng cáo; các bị cáo không bị kháng nghị; Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16h ngày 21/02/2024, tổ công tác Công an tỉnh T làm nhiệm vụ tại khu vực đường Bà Triệu đoạn đối diện số nhà A thuộc khu phố F, phường B, thị xã B phát hiện Lê Tiến D2, sinh năm 1998 ở xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa và Nguyễn Trần D1 đang điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, màu đen đỏ, BKS: 36B7-029.26 có biểu hiện nghi vấn. Tiến hành kiểm tra phát hiện, thu giữ:

- Bên trong ba lô màu đen của Nguyễn Trần D1 đang mang trên người có:
 - + 01 túi vải nilon màu trắng bên trong có 01 khối kim loại hình khẩu súng màu trắng bạc, dài khoảng 17cm, báng súng được ốp nhựa màu nâu, trên thân súng có dòng chữ EKOL Jackal D3 Compact Cal.9mm.P.A.K, có gắn 01 hộp tiếp đạn, trong buồng đạn và hộp tiếp đạn không có đạn;
 - + 01 túi vải nilon màu trắng bên trong có 01 khối kim loại hình khẩu súng, màu xám, dài khoảng 19cm, trên thân súng có dòng chữ M1911A1 U.S.ARMY, có số hiệu: No871072 có gắn 01 hộp tiếp đạn, trong buồng đạn và hộp tiếp đạn không có đạn;
 - + 01 túi vải nilon màu trắng bên trong có 01 khối kim loại hình khẩu súng, kiểu ổ xoay, màu đen, dài khoảng 13cm, trên thân súng có dòng chữ SMITH&WESSON, có số hiệu XYL230210052, trong ổ đạn không có đạn;
 - + 01 vỉ nhựa màu đen được bọc bằng túi nilon trắng có chứa 50 viên đạn, mỗi viên dài khoảng 2,5cm, vỏ đạn bằng kim loại màu vàng, đầu đạn có màu đen;
 - + 01 túi nilon màu đen kích thước khoảng 4x6cm, bên trong có chứa các viên kim loại hình tròn, màu bạc.
- Tại túi quần bên trái Nguyễn Trần D1 đang mặc: 01 túi vải nilon màu trắng bên trong có 13 viên đạn, mỗi viên đạn dài khoảng 02cm, vỏ đạn bằng kim loại màu vàng, đầu đạn có màu đồng.
- 01 (một) Ba lô vải màu đen, có dòng chữ HAIBOWY.

- 01 (một) xe máy nhãn hiệu HONDA AIRBLADE, màu đỏ đen, gắn biển số 36B7-029.06 đã qua sử dụng của Lê Tiến D2

Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản sự việc, thu giữ toàn bộ số vật chứng trên theo quy định (BL: 01-02).

Nguyễn Trần D1 khai nhận các đồ vật nêu trên đều là súng và đạn của D1 mang đi để bán nhưng chưa kịp bán thì bị phát hiện. Ngoài ra D1 khai trước đó còn bán cho Phạm Văn S 02 khẩu súng côn quay màu đen, 02 quả lựu đạn, 50 viên đạn và D1 còn thuê Huỳnh Văn Q chế tạo vũ khí.

Ngày 22/02/2024, Cơ quan điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Phạm Văn S tại khách sạn H2, khu dân cư B, thị trấn V, huyện V, TP Hải Phòng thu giữ:

- 01 khối kim loại màu đen hình khẩu súng loại ổ tiếp đạn xoay, dài khoảng 13cm, trên thân súng có dòng chữ “SMITH&WESSON”, có số ký hiệu: XYL230425892 trong ổ đạn không có đạn;

- 01 khối kim loại màu đen hình khẩu súng loại ổ tiếp đạn xoay, dài khoảng 13cm, trên thân súng có dòng chữ “SMITH&WESSON”, có số ký hiệu: XYL200210043 trong ổ đạn không có đạn;

- 01 vỏ nhựa màu đen, bên ngoài được dán băng keo màu bên trong có 50 viên đạn, đầu dài khoảng 2,5cm;

- 02 khối kim loại hình trụ tròn (loại lựu đạn mỏ vịt) màu cam, trên phần thân có ghi kí hiệu LĐ-01-TẬP, số ký hiệu 2117.22 phần mỏ vịt và chốt an toàn bằng kim loại màu đồng (BL: 226-227).

Huỳnh Văn Q còn khai nhận có bán súng cho Nguyễn Hải A. Căn cứ vào lời khai của Q, Cơ quan điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của A tại xã H, huyện Đ, tỉnh Long An, thu giữ:

+ 01(một) khẩu súng màu đen dạng ổ quay, có ốp tay cầm bằng nhựa màu nâu. Trên thân súng có ký hiệu XIAO YUE LIANG, Made in China. Trong buồng đạn có 06 (sáu) viên đạn có vỏ màu vàng, đầu đạn màu đen.

+ 01(một) khối kim loại màu trắng hình trụ tròn, dài khoảng 11cm. Bên trong có 01(một) viên đạn vỏ màu vàng, đầu đạn màu đen, ở giữa có nút bấm.

+ 26 (Hai mươi sáu) ống kim loại màu trắng có đường kính và độ dài khác nhau; 03(ba) khối nhựa màu đen ở giữa có gắn 01(một) thanh kim loại có lò xo; 02(hai) khối kim loại màu vàng đều được gắn 01 thanh kim loại có lò xo (BL: 243-244).

Phòng K Công an tỉnh T kết luận về tang vật thu giữ của các bị cáo như sau:

* *Đối với tang vật thu giữ của Phạm Văn S:*

- 01(hai) khẩu súng ngắn ổ quay có ký hiệu lần lượt là “SMITH&WESSON”, “XYL230425892” và “SMITH&WESSON”, “XYL230210043” đều là loại súng nén hơi đã được chế tạo lại nòng súng, buồng đạn (ổ quay), thêm hệ thống kim

hỏa. Hiện tại các khẩu súng này sử dụng bắn được loại đạn cỡ 5,6x15,5 mm và thuộc loại vũ khí quân dụng;

- 50 (năm mươi) viên đạn, trong đó: 25 (hai mươi lăm) viên đạn có kí hiệu “S B”; 25 (hai mươi lăm) viên đạn có kí hiệu “C” gửi đến giám định đều là đạn thể thao cỡ 5,6x15,5mm - không phải vũ khí quân dụng.

- 02 (hai) vật kí hiệu “LĐ - 01 - TẬP Z117 - 22” gửi đến giám định đều là pháo nỏ (vỏ pháo là lựu đạn tập) - không phải vũ khí quân dụng. Tổng khối lượng số pháo trên là 0,91 kg (không phải chín một ki lo gam).

(Kết luận số 854/KL-KTHS ngày 02/3/2024 của Phòng K Công an tỉnh T) (BL: 256).

(Thu giữ của Phạm Văn S 02 súng thuộc loại vũ khí quân dụng).

**** Đối với tang vật thu giữ của Nguyễn Hải Á:***

+ 01 (một) khẩu súng ngắn ổ quay có kí hiệu: “XIAO YUE LIANG”, “MADE IN CHINA”, “XYL230526202” gửi giám định là loại súng nén hơi đã được chế tạo lại nòng súng, buồng đạn (ổ quay), thêm hệ thống kim hỏa. Hiện tại khẩu súng này sử dụng bắn được loại đạn cỡ 5,6x15,5 mm và thuộc loại vũ khí quân dụng.

+ 01 (một) vật hình trụ tròn bằng kim loại màu trắng không có kí hiệu dài 13,9 cm gửi giám định là súng tự chế bắn được loại đạn cỡ 5,6x15,5 mm. Hiện tại khẩu súng này còn sử dụng bắn được và thuộc loại vũ khí quân dụng.

+ 07 (bảy) viên đạn có kí hiệu “C” gửi giám định đều là loại đạn thể thao cỡ 5,6x15,5 mm - không phải vũ khí quân dụng.

+ 12 (mười hai) ống hình trụ tròn rỗng, mỗi ống dài 3,8 cm; 12 (mười hai) ống hình trụ tròn rỗng, mỗi ống dài 2,3 cm; 02 (hai) ống hình trụ tròn rỗng, mỗi ống dài 6,4 cm; 03 (ba) khối hình hộp chữ nhật bằng nhựa, mỗi khối có kích thước (2x1,3x1,3) cm và 02 (hai) khối hình hộp chữ nhật bằng kim loại, mỗi khối có kích thước (0,8x0,6x0,5) cm gửi giám định đều là chi tiết (bộ phận) để chế tạo loại súng tự chế.

(Kết luận số 845/KL-KTHS ngày 02/3/2024 của Phòng K Công an tỉnh T) (BL: 294-295).

**** Tạm giữ các điện thoại của bị cáo:***

- Đối với Phạm Văn S:

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 14 Pro Max, màu vàng, gắn sim số 0941755555;

+ 01 (một) ô tô nhãn hiệu TOYOTA FORTUNER, màu sơn trắng, gắn BKS: 15A-69575, số máy: A8298132TR, số khung: MHFJX3GS9M0586278 (BL: 104-105; 297).

- Đối với Nguyễn Hải Á:

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu xanh, gắn sim số: 0384436557.

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xanh, dạng bàn phím, gắn sim số: 0394200781 (BL: 191-192).

* Hành vi của Nguyễn Hải A:

Từ tháng 7/2023 đến tháng 02/2024, Huỳnh Văn Q và Nguyễn Hải A thông qua mạng xã hội Zalo, T1 nhiều lần trao đổi, mua bán các linh kiện chế tạo súng (bộ S1 súng bằng kim loại, kim hỏa, lò xo sắt...). Tuy nhiên, do thời gian đã lâu nên Q và A chỉ nhớ cụ thể lần gần đây nhất vào khoảng ngày 10/02/2024, A có dùng tài khoản Telegram “Gghjj” của mình gọi vào tài khoản T1 “Quốc Nam rau củ quả” của Q đặt mua 04 (bốn) bộ S1 súng (02 bộ to, 02 bộ nhỏ) và 03 (ba) kim hỏa súng, cả hai thống nhất giá cả mua bán là 2.950.000đ (hai triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng). Chiều ngày 15/02/2024, Q gửi các linh kiện này qua xe khách về Khu công nghiệp Đ, tỉnh Long An cho A; đồng thời, gửi tài khoản 102878702255 - Ngân hàng TMCP C (V) mang tên Nguyễn Phi N1 (là vợ của Q) cho A để A chuyển khoản trả tiền mua linh kiện trên. Đến khoảng 07 giờ ngày 16/02/2024, A nhận được 04 (bốn) bộ S1 và 03 (ba) kim hỏa từ xe khách rồi mang về nhà cất. Tiếp đó, A dùng tài khoản 104874900987 - Ngân hàng TMCP C (V) mang tên Nguyễn Hải A chuyển số tiền 1.550.000đ (một triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng) cho Q và nợ lại 1.400.000đ (một triệu bốn trăm nghìn đồng). Tối ngày 22/02/2024, A đến một Cửa hàng điện thoại (A không nhớ tên) ở gần vòng xoay H, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An đưa 1.400.000đ (một triệu bốn trăm nghìn đồng) tiền mặt cho chủ cửa hàng và nhờ chuyển khoản số tiền 1.400.000đ (một triệu bốn trăm nghìn đồng) còn thiếu cho Q. Mục đích của Nguyễn Hải A khi mua linh kiện súng nêu trên là để về chế tạo súng nhưng chưa chế tạo được thì bị phát hiện, bắt giữ.

Ngoài ra khoảng 02/2023, thông qua ứng dụng Youtube, A đã liên hệ và đặt mua 01 (một) khẩu súng ngắn côn quay, kèm theo 06 (sáu) viên đạn với giá 6.000.000đ (sáu triệu đồng) của một đối tượng không rõ thông tin, địa chỉ rao bán súng đạn trên ứng dụng này. Quá trình trao đổi A và người này đi đến thống nhất là chuyển tiền trước khi giao hàng; sau đó, A đi đến cửa hàng dịch vụ chuyển tiền ở thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An để chuyển khoản cho người bán, nhưng do thời gian đã lâu nên A không nhớ cửa hàng dịch vụ nào và không nhớ số tài khoản, cũng như số điện thoại của người bán. Sau khi chuyển tiền xong, khoảng 03 ngày sau thì A nhận được 01 (một) khẩu súng ngắn, dạng ổ quay, màu đen, ốp tay cầm bằng nhựa màu nâu - thuộc vũ khí quân dụng và 06 viên đạn thể thao rồi đem về nhà cất giấu trên nóc tủ quần áo ở gian bếp của A tại địa chỉ ấp B, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An.

Đến khoảng 5/2023, thông qua ứng dụng Youtube, A tiếp tục mua thêm 01 khẩu súng bút màu trắng hình trụ tròn, dài khoảng 11cm - thuộc vũ khí quân dụng và 01 viên đạn thể thao với giá 900.000đ (chín trăm nghìn đồng) của một đối

tượng không rõ thông tin; về cách thức liên hệ và giao dịch mua bán giống lần mua khẩu súng trên. Sau khi, nhận được súng bút và đạn, A đã cất giấu trong tủ quần áo để tại gian bếp nhà A. Đến đầu năm 2024, A lấy khẩu súng và đạn trên cất giấu tại góc nhà trong phòng khách nhà A cho đến khi Cơ quan Công an khám xét, thu giữ.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 178/2024/HS-ST ngày 20/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã quyết định:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 304 BLHS, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 BLHS đối với Phạm Văn S và Nguyễn Hải A.

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn S phạm tội “Mua bán, tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”; bị cáo Nguyễn Hải A phạm tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”.

Xử phạt: Phạm Văn S 24 tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án nhưng được trừ đi thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/02/2024 đến 09/5/2024.

Nguyễn Hải A 18 tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 01/3/2024.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo Huỳnh Văn Q và Nguyễn Trần D1; quyết định về xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 30/9/2024, bị cáo Phạm Văn S kháng cáo xin giảm hình phạt và xin hưởng án treo, xin lại chiếc xe ô tô.

Ngày 01/10/2024, bị cáo Nguyễn Hải A kháng cáo xin giảm hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, thừa nhận bản án sơ thẩm quy kết là đúng pháp luật, đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo A nộp án phí, có xác nhận hoàn cảnh khó khăn, là lao động chính, con nhỏ, em tâm thần, bố mẹ già yếu.

Bị cáo S nộp tài liệu xác nhận có tích cực hoạt động, đóng góp cho địa phương nơi cư trú, đang nằm bệnh viện điều trị bệnh K tuyến giáp, lao phổi, sức khoẻ yếu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội nêu quan điểm:

Về tố tụng: Kháng cáo của các bị cáo được thực hiện trong thời hạn luật định, hình thức, nội dung đơn phù hợp nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Quá trình giải quyết Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng và đầy đủ quy định của pháp luật, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Sau khi phân tích các chứng cứ có trong hồ sơ, đánh giá tính chất, hành vi phạm tội của các bị cáo, có đủ căn cứ kết luận Phạm Văn S phạm tội: “Mua bán, tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”; bị cáo Nguyễn Hải Â phạm tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”, theo khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Xét kháng cáo của các bị cáo thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá hành vi phạm tội, xem xét, áp dụng cho các bị cáo các tình tiết giảm nhẹ và xử phạt bị cáo S 24 tháng tù; bị cáo Â 18 tháng tù là phù hợp. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo Â, S có tình tiết giảm nhẹ mới. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phạm Văn S, bị cáo Nguyễn Hải Â, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 356, 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, sửa hình phạt của bản án sơ thẩm đối với các bị cáo, giảm cho mỗi bị cáo 06 tháng tù. Kháng cáo của bị cáo S xin lại chiếc xe ô tô Toyota Fortuner BKS: 15A- 695.75 không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng tại cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.1] Sau khi xét xử phúc thẩm, các bị cáo kháng cáo trong hạn luật định và hợp lệ nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Bị cáo S vắng mặt do ốm bệnh, Tòa án căn cứ Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự xét xử vắng mặt bị cáo.

[2] Về nội dung: Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Phạm Văn S về tội: “Mua bán, tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”; bị cáo Nguyễn Hải Â về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”, theo khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo Phạm Văn S và Nguyễn Hải Â, Hội đồng xét xử thấy: Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá đúng tính chất của vụ án, vai trò, hành vi phạm tội của các bị cáo; xem xét áp dụng cho các bị cáo các tình tiết giảm nhẹ như: Sau khi phạm tội các bị cáo thành khẩn khai báo, đầu thú nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo Phạm Văn S hiện đang điều trị bệnh ung thư tuyến giáp, gia đình có công Cách mạng: bố bị cáo hiện đang trực tiếp thờ cúng Liệt sỹ Phạm Văn H1 là bác ruột bị cáo. Tuy nhiên, năm 2008, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng xử phạt 09 tháng

tù cho hưởng án treo về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” (đã xóa án tích); năm 2019, bị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo xử phạt 24 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc” (đã xóa án tích); bị cáo chịu mức án cao hơn bị cáo Nguyễn Hải Ân là phù hợp.

- Đối với bị cáo Nguyễn Hải Ân có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu; bị cáo thành khẩn khai báo, đầu thú; bị cáo có bố đẻ có thành tích trong cuộc kháng chiến chống Mỹ và tham gia hội cựu chiến binh tại địa phương, bị cáo từng tham gia phục vụ trong quân đội thời gian 02 năm nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo chịu mức án thấp hơn S là đúng.

Tại cấp phúc thẩm, ngoài tình tiết giảm nhẹ đã được áp dụng, các bị cáo xuất trình thêm tình tiết giảm nhẹ mới có hoàn cảnh gia đình khó khăn, tích cực hoạt động vì cộng đồng làm từ thiện, bị cáo S đang có bệnh hiểm nghèo, lao phổi. Bị cáo Ân đã từng là Đảng viên, có nhân thân tốt, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương, là lao động chính, bố mẹ bệnh già yếu, nuôi con nhỏ. Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo. Xét thấy có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

[5]. Về kháng cáo của bị cáo S xin lại chiếc xe ô tô Toyota Fortuner BKS: 15A- 695.75. là không phù hợp nên không được chấp nhận.

[6] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Về án phí: Các bị cáo kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Trả lại bị cáo S 300.000 đồng án phí dân sự theo Biên lai số 00536 ngày 30/9/2024 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hoá. Xác nhận bị cáo Ân đã nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo Biên lai số 09026 ngày 17/1/2025 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hoá.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Phạm Văn S, Nguyễn Hải Ân; Sửa phần quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 178/2024/HS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa đối với bị cáo, như sau:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với Phạm Văn S và Nguyễn Hải Ân.

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn S phạm tội “Mua bán, tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”; bị cáo Nguyễn Hải Ân phạm tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”.

Xử phạt: Phạm Văn S 18 (mười tám) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án; được trừ đi thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/02/2024 đến 09/5/2024.

Nguyễn Hải Ân 12 (mười hai) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày 01/3/2024.

2. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Văn S về xử lý vật chứng là chiếc xe ô tô Toyota Fortuner BKS: 15A- 695.75.

3. Về án phí: Bị cáo Phạm Văn S, Nguyễn Hải Ân không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Trả lại bị cáo S 300.000 đồng án phí dân sự theo Biên lai số 00536 ngày 30/9/2024 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hoá. Xác nhận bị cáo Ân đã nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo Biên lai số 09026 ngày 17/1/2025 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hoá.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ I - TANDTC;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Công an tỉnh Thanh Hóa;
- Cục THADS tỉnh Thanh Hóa;
- Trại tạm giam CA tỉnh Thanh Hóa;
- Bị cáo Sơn (theo địa chỉ);
- Bị cáo Âu (qua TTG);
- Lưu HSVA; P.HCTP./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mạnh Tiến